

KẾT QUẢ XÉT DUYỆT VÒNG 1
(Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển)

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Kết quả xét duyệt Vòng 1	Ghi chú	
				Nơi đào tạo	Ngành/Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Loại TN	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ				
I	Khoa Công nghệ thông tin													
	Bộ môn Công nghệ phần mềm (02 chỉ tiêu Tiến sĩ)													
1	Chu Thị Minh Huệ	Nữ	1982	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Công nghệ thông tin	Chính quy	Giỏi	2007	Tiến sĩ Kỹ thuật phần mềm	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Giảng viên Bộ môn Công nghệ phần mềm, Khoa Công nghệ thông tin	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
II	Khoa Điện - Điện tử													
	Bộ môn Điện tử - Viễn thông (02 chỉ tiêu Thạc sĩ trở lên)													
2	Bùi Thị Hà	Nữ	1985	Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên	Công nghệ Kỹ thuật điện tử	Chính quy	Khá	2009	Tiến sĩ Công nghệ Kỹ thuật điện tử - Viễn thông	Học Thạc sĩ tại Nhật Bản	Giảng viên Bộ môn Điện tử - Viễn thông, Khoa Điện - Điện tử	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
3	Lê Thanh Hiền	Nữ	1999	Đại học Công nghệ nga - MIREA	Tin học và kỹ thuật tính toán	Chính quy	Xuất sắc	2024	Thạc sĩ Hệ thống thông tin và công nghệ	Học Đại học và Thạc sĩ tại LB Nga	Giảng viên Bộ môn Điện tử - Viễn thông, Khoa Điện - Điện tử	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
III	Khoa Cơ khí													
	Bộ môn Đồ họa kỹ thuật (01 chỉ tiêu Thạc sĩ trở lên)													
4	Nguyễn Thanh Hà	Nữ	1977	Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội	Xây dựng Dân dụng Công Nghiệp	Chính quy	Khá	2000	Thạc sĩ Xây dựng dân dụng và công nghiệp		Giảng viên Bộ môn Đồ họa kỹ thuật, Khoa Cơ khí	Không đủ điều kiện tham dự vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về điểm môn giảng dạy	
	Bộ môn Công nghệ cơ khí (02 chỉ tiêu Thạc sĩ trở lên)													
5	Trần Tiến Anh	Nam	2000	Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật cơ khí/Chế tạo máy	Chính quy	Khá	2024	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ khí	Bậc 4 KNLNN	Giảng viên Bộ môn Công nghệ cơ khí, Khoa Cơ khí	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
	Bộ môn Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (02 chỉ tiêu Tiến sĩ)													
6	Nguyễn Văn Lập	Nam	1990	Trường Đại học Thủy lợi	Kỹ thuật cơ khí/Thiết bị lâm đất	Chính quy	Giỏi	2013	Tiến sĩ Kỹ thuật Hệ thống cơ khí	Học Tiến sĩ tại Nhật Bản	Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật hệ thống công nghiệp, Khoa Cơ khí	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
	Bộ môn Kỹ thuật Cơ điện tử (02 chỉ tiêu Thạc sĩ trở lên)													
7	Đào Minh Hiền	Nam	1992	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Công nghệ kỹ thuật cơ khí	Chính quy	Khá	2018	Thạc sĩ Kỹ thuật cơ điện tử	NCS tại LB Nga	Giảng viên Bộ môn Kỹ thuật Cơ điện tử, Khoa Cơ khí	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		



82

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Kết quả xét duyệt Vòng 1	Ghi chú	
				Nơi đào tạo	Ngành/Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Loại TN	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ				
IV	Khoa Hóa và Môi trường													
	Bộ môn Công nghệ sinh học (01 chỉ tiêu Tiến sĩ)													
8	Nguyễn Ngọc Ánh	Nữ	1993	Trường Đại học Bách khoa Hà Nội	Kỹ thuật sinh học	Chính quy	Khá	2016	Tiến sĩ Khoa học sinh học và Công nghệ sinh học	Học Thạc sĩ, Tiến sĩ tại Hàn Quốc	Giảng viên Bộ môn Công nghệ sinh học, Khoa Hóa và Môi trường	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
9	Hoàng Kim Chi	Nữ	1986	Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, ĐH Quốc gia Hà Nội	Sinh học/Vi sinh vật học	Chính quy	Khá	2008	Tiến sĩ Sinh học/Vi sinh vật học	Học Thạc sĩ tại CHLB Đức	Giảng viên Bộ môn Công nghệ sinh học, Khoa Hóa và Môi trường	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
10	Nguyễn Khắc Hưng	Nam	1991	Viện Đại học Mỏ Hà Nội	Công nghệ sinh học	Chính quy	Khá	2013	Tiến sĩ Hóa học/Hóa hữu cơ		Giảng viên Bộ môn Công nghệ sinh học, Khoa Hóa và Môi trường	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
V	Khoa Luật và Lý luận chính trị													
	Bộ môn Luật (02 chỉ tiêu Tiến sĩ)													
11	Chung Thị Minh Hiếu	Nữ	2001	Học viện Hành chính Quốc gia	Luật	Chính quy	Khá	2023	Thạc sĩ Luật hiến pháp và Luật hành chính	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Giảng viên Bộ môn Luật, Khoa Luật và Lý luận chính trị	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về trình độ đào tạo	
12	Dương Quỳnh Hoa	Nữ	1977	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn	Luật	Chính quy	Trung bình	1999	Tiến sĩ Luật học	Cử nhân Ngôn ngữ Anh; Học Thạc sĩ tại Nhật Bản	Giảng viên Bộ môn Luật, Khoa Luật và Lý luận chính trị	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	PGS ngành Luật học, có kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu khoa học tốt trong lĩnh vực Luật học	
13	Phạm Thị Hương Lan	Nữ	1975	Trường Đại học Luật Hà Nội	Tư pháp	Chính quy	Trung bình	1998	Tiến sĩ Luật	B2 Châu Âu	Giảng viên Bộ môn Luật, Khoa Luật và Lý luận chính trị	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Tiến sĩ đúng chuyên ngành; có kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu khoa học tốt trong lĩnh vực Luật học	
VI	Khoa Kinh tế và quản lý													
	Bộ môn Thương mại điện tử (02 chỉ tiêu Thạc sĩ trở lên)													
14	Nguyễn Ngọc Minh Châu	Nữ	2001	Trường Đại học Ngoại thương	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh quốc tế	Chính quy	Giỏi	2023	Thạc sĩ Kinh doanh quốc tế	TOEIC 905; HSK cấp 6; Học Thạc sĩ tại Trung Quốc	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
15	Ngô Hương Giang	Nữ	1999	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	2021	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	IELTS 7.0; Đào tạo ĐH và ThS bằng Tiếng Anh	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		
16	Nghiêm Ngọc Hương	Nữ	1994	Trường Đại học Ngoại thương	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh quốc tế	Chính quy	Giỏi	2016	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh		Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về trình độ ngoại ngữ	
17	Vũ Minh Ngọc	Nam	1995	Trường Đại học Thương mại	Quản trị kinh doanh/Quản trị thương mại điện tử	Chính quy	Khá	2017	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2		

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Kết quả xét duyệt Vòng 1	Ghi chú
				Nơi đào tạo	Ngành/Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Loại TN	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			
18	Nguyễn Hồng Nhung	Nữ	1999	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Tài chính - Ngân hàng/Tài chính	Chương trình tiên tiến	Giỏi	2021	Thạc sĩ Tài chính	IELTS 6.5; Học Thạc sĩ tại CH Pháp	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về chuyên ngành đào tạo
19	Lê Tuyết Nhung	Nữ	1984	Trường Đại học Gloucestershire, Vương quốc Anh	Quản lý và Chiến lược Kinh doanh	Chính quy	Khá	2013	Thạc sĩ Quy hoạch và Phát triển Nguồn Nhân lực	Học Đại học tại Anh; Thạc sĩ tại Ấn Độ	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về chuyên ngành đào tạo
20	Bùi Thị Quỳnh	Nữ	1999	Đại học Luật Quốc gia Mát-xcơ-va mang tên O.E.Kutafin, LB Nga	Luật học	Chính quy	Giỏi	2023	Thạc sĩ Kinh tế/Thị trường tài chính và đầu tư	Học Đại học, Thạc sĩ tại LB Nga	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về chuyên ngành đào tạo
21	Cao Huyền Thủy	Nữ	1995	Trường Đại học Kinh tế quốc dân	Quản trị kinh doanh/Quản trị kinh doanh quốc tế	Chính quy	Giỏi	2017	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Bậc 4 KNLNN; Học Thạc sĩ liên kết	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
22	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	2001	Trường Đại học Toulon, Cộng hòa Pháp	Thương mại điện tử và marketing kỹ thuật số	Liên kết quốc tế	Giỏi	2022	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Bậc 4 KNLNN	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
23	Trần Minh Trang	Nữ	2002	Trường Đại học Ngoại thương	Kinh tế/Kinh tế đối ngoại	Chính quy	Giỏi	2024	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	IELTS 6.5	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
24	Lê Thu Trang	Nữ	2001	Trường Đại học Thương mại	Thương mại điện tử/Quản trị thương mại điện tử	Chính quy	Giỏi	2022	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	Bậc 4 KNLNN	Giảng viên Bộ môn Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh số (01 chỉ tiêu Tiến sĩ)													
25	Phan Nam Thái	Nam	1979	Trường Đại học Thương mại	Quản trị kinh doanh/Quản trị doanh nghiệp TM	Chính quy	Giỏi	2002	Tiến sĩ Quản trị kinh doanh	Học Thạc sĩ tại CH Pháp	Giảng viên Bộ môn Kinh tế và Kinh doanh số, Khoa Kinh tế và quản lý	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
Bộ môn Quản trị du lịch (01 chỉ tiêu Tiến sĩ)													
26	Dương Thủy Linh	Nữ	1993	Trường Đại học Thương mại	Quản trị kinh doanh/Quản trị doanh nghiệp khách sạn, du lịch	Chính quy	Khá	2015	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	IELTS 5.5	Giảng viên bộ môn Quản trị du lịch, Khoa Kinh tế và quản lý	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về trình độ đào tạo
VII Khoa Kế toán và Kinh doanh													
Bộ môn Tài chính (01 chỉ tiêu Tiến sĩ)													
27	Phạm Thị Hồng Nhung	Nữ	1989	Học viện Ngân hàng	Tài chính - Ngân hàng/Ngân hàng thương mại	Chính quy	Giỏi	2011	Tiến sĩ Tài chính - Ngân hàng	Bậc 4 KNLNN	Giảng viên Bộ môn Tài chính, Khoa Kế toán và Kinh doanh	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
				Học viện Ngân hàng	Quản trị kinh doanh/Quản trị doanh nghiệp	Chính quy	Khá	2012					
VIII Bộ môn Giáo dục thể chất (02 chỉ tiêu Thạc sĩ trở lên)													
28	Nguyễn Văn Căn	Nam	1994	Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh	Huấn luyện thể thao/Bóng chuyền	Chính quy	Giỏi	2017	Thạc sĩ Giáo dục học/Giáo dục thể chất	IELTS 5.5	Giảng viên Bộ môn Giáo dục thể chất	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về chuyên ngành đào tạo

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Tốt nghiệp đại học					Trình độ hiện nay		Vị trí dự tuyển	Kết quả xét duyệt Vòng 1	Ghi chú
				Nơi đào tạo	Ngành/Chuyên ngành	Hình thức đào tạo	Loại TN	Năm TN	Chuyên môn	Ngoại ngữ			
29	Lê Xuân Diệp	Nam	1999	Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh	Huấn luyện thể thao/Bóng đá	Chính quy	Giỏi	2021	Thạc sĩ Giáo dục học		Giảng viên Bộ môn Giáo dục thể chất	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
30	Phan Thế Gia Hiền	Nam	2000	Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh	Huấn luyện thể thao/Thể dục	Chính quy	Giỏi	2022	Thạc sĩ Giáo dục học	Cử nhân Ngôn ngữ Anh	Giảng viên Bộ môn Giáo dục thể chất	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
31	Nguyễn Hà My	Nữ	2000	Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh	Giáo dục thể chất/Thể dục	Chính quy	Giỏi	2022	Thạc sĩ Giáo dục học	B1 Châu Âu	Giảng viên Bộ môn Giáo dục thể chất	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
IX Phòng Hành chính - Tổng hợp (01 chỉ tiêu ĐH trở lên)													
32	Nguyễn Quỳnh Anh	Nữ	2002	Học viện Hành chính Quốc gia	Luật/Luật hành chính	Chính quy	Khá	2024	Cử nhân Luật		Chuyên viên pháp chế và kiểm tra nội bộ, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
33	Nguyễn Ngọc Hiếu	Nam	1996	Học viện Phụ nữ Việt Nam	Luật/Pháp luật kinh tế	Chính quy	Khá	2022	Cử nhân Luật/Pháp luật kinh tế	Bậc 3 KNLNN	Chuyên viên pháp chế và kiểm tra nội bộ, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về chuyên ngành đào tạo
34	Vũ Khánh Huyền	Nữ	1997	Đại học Quốc gia Hà Nội	Luật kinh doanh	Chính quy	Khá	2021	Thạc sĩ Luật/Luật kinh tế		Chuyên viên pháp chế và kiểm tra nội bộ, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Đủ điều kiện tham dự Vòng 2	
				Trường Đại học Kinh tế, ĐH Quốc gia Hà Nội	Quản trị kinh doanh	Chính quy	Giỏi	2021					
35	Vũ Phương Linh	Nữ	2004	Học viện Hành chính và Quản trị công, HV Chính trị Quốc gia HCM	Luật	Chính quy	Khá	2026	Cử nhân Luật		Chuyên viên pháp chế và kiểm tra nội bộ, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về kinh nghiệm công tác
36	Phạm Mai Phương	Nữ	2001	Học viện Hành chính Quốc gia	Luật	Chính quy	Khá	2023	Cử nhân Luật		Chuyên viên pháp chế và kiểm tra nội bộ, Phòng Hành chính - Tổng hợp	Không đủ điều kiện tham dự Vòng 2	Không đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm về kinh nghiệm công tác

Danh sách gồm có 36 người./.

THƯ KÝ



Nguyễn Thị Thu Hằng

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2026

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH



HIỆU TRƯỞNG
GS.TS Nguyễn Trung Việt